BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

Số: 587 /BC- ĐHTCQTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 17 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO
Về kết quả khảo sát các bên liên quan về các mặt hoạt động của Nhà trường năm học 2021 - 2022

Thực hiện Kế hoạch số 172 ngày 16/3/2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc khảo sát các bên liên quan, năm học 2021 – 2022 đối với cán bộ, giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường như hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, chế độ chính sách, chiến lược phát triển Nhà trường, nghiên cứu khoa học và hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát như sau:

1. Phương thức khảo sát

Khảo sát online đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên đang học tập tại Trường và phát phiếu trực tiếp với sinh viên đại học chính quy tập trung K6 tốt nghiệp.

2. Kết quả phản hồi

+ Đối với khảo sát cán bộ, giảng viên: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 199/255 (78%).

+ Đối với sinh viên đại học chính quy tập trung K6 tốt nghiệp: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 283/500 (56,6%).

+ Đối với sinh viên đang học tập tại Trường: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 1625/1765 (91,86%).

3. Tiêu chí khảo sát

Các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, bình thường, hài lòng và rất hài lòng.

- Đối với khảo sát cán bộ, giảng viên: Khảo sát theo 5 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, bình thường, hài lòng, rất hài lòng.

- Đối với sinh viên đại học chính quy tập trung K6 tốt nghiệp: Khảo sát theo 8 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt.

- Đối với sinh viên đang học tập tại Trường: Khảo sát theo 9 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt.

4. Kết quả khảo sát

1/Kết quả khảo sát cán bộ giảng viên *(có phụ lục kèm theo)*

Nội dung khảo sát theo 5 tiêu chí, gồm: chiến lược của Nhà trường, chế độ chính sách, hoạt động phục vụ/hỗ trợ, hoạt động nghiên cứu khoa học, tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả cụ thể như sau:

+ ***Về chiến lược của Nhà trường:*** Với 16 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên bình quân đạt trên 72%.

+ ***Về chế độ chính sách:*** Với 7 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được cán bộ, giảng viên đánh giá từ mức độ bình thường trở lên đạt hơn 90%, tuy nhiên tiêu chí "phúc lợi" được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 47,11%.

+ ***Về hoạt động phục vụ/hỗ trợ:*** Với 12 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ trung bình trở lên đạt hơn 95%, tuy nhiên tiêu chí "chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống" và "các công cụ phục vụ giảng dạy" được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt tương ứng lần lượt là 61% và 66%.

- ***Về hoạt động nghiên cứu khoa học:*** Với 28 câu hỏi, kết quả cụ thể như sau:

+ Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt bình quân trên 79%.

+ Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ: kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt bình quân trên 67%.

+ Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 74%, tuy nhiên tiêu chí "Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu" được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt khoảng 67%.

+ Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp: kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 65%.

+ Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu: kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 64%.

- ***Về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng:*** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được cán bộ giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên bình quân đạt trên 76%.

2/Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung K6 tốt nghiệp *(có phụ lục kèm theo)*

Nội dung khảo sát theo 8 tiêu chí, gồm: Công tác tuyển sinh của nhà trường; đội ngũ giảng viên; chương trình đào tạo; công tác kiểm tra đánh giá; Về hoạt động hỗ trợ người học, Công Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các hoạt động phong trào; Công tác cố vấn học tập; Về hoạt động nghiên cứu khóa học; Về giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách, kết quả cụ thể như sau:

- ***Về công tác tuyển sinh:*** Với 4 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 98%.

- ***Về đội ngũ giảng viên:*** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát thu được cụ thể nhưu sau:

+ Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy đánh giá đạt từ mức độ khá tốt trở lên đạt 98,5%;

+ Giảng viên sẵn sằng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên đánh giá đạt từ mức độ khá tốt trở lên đạt 98,6%;

+ Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần đánh giá đạt từ mức độ khá tốt trở lên đạt xấp xỉ 99%.

+ Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập được đánh giá đạt từ mức độ khá tốt trở lên đạt xấp xỉ 99%.

- Về chương trình đào tạo (CTĐT): Với 6 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 97,5%.

- Về công tác kiểm tra đánh giá: Với 6 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 97,8%.

- Về hoạt động hỗ trợ người học, Công Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các hoạt động phong trào: Với 9 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 97,8%.

- Về Công tác cố vấn học tập: Với 4 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 9 5%.

- Về hoạt động nghiên cứu khóa học: Với 7 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt xấp xỉ 99%.

- Về giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách: Với 15 câu hỏi, trong đó có hai câu hỏi được sinh viên đánh giá Nhà trường đã có sự cải thiện đáng kể so với những năm trước, cụ thể:

+ Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 95%;

+ Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong toàn trường được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt 97,8%.

- Về đánh giá chung: Với 2 câu hỏi, kết quả khảo sát thu được như sau:

+ Mức hài lòng vưới toàn bộ khóa học được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt xấp xỉ 99%.

+ Trường là nơi tin cậy và sẽ giới thiệu cho người khác đến học tập được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt xấp xỉ 99%.

3/Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung đang học tại trường *(có phụ lục kèm theo)*

Nội dung khảo sát theo 9 tiêu chí, gồm: Chương trình đào tạo; Công tác cố vấn học tập; Công tác đào tạo trực tuyến; Công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động phong trào; Công tác kiểm tra đánh giá; Công tác tuyển sinh của nhà trường; Đội ngũ giảng viên; Giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách; và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả như sau:

- Về chương trình đào tạo: Với 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 96%.

- Về công tác cố vấn học tập: Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 96%.

- Về công tác đào tạo trực tuyến: Nội dung này gồm 11 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93%.

- Về công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào: Nội dung này gồm 8 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 95%.

- Về công tác kiểm tra đánh giá: Nội dung này gồm 6 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 96%.

- Về công tác tuyển sinh: Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 94%.

- Về đội ngũ giảng viên: Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 95%.

- Về giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách: Nội dung này gồm 14 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93%.

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên: Nội dung này gồm 7 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 95%.

Nhìn chung kết quả khảo sát các tiêu chí đều đạt mức khá, tốt, rất tốt đạt trên 93%; Các tiêu chí đạt mức từ tốt trở lên, bình quân chiếm hơn 64%; Các tiêu chí đạt mức kém, trung bình chiếm dưới 7%.

5. Phương hướng khắc phục trong năm học tới

** Về phía Nhà trường*

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy hiện đại hơn.
- Tổ chức cho sinh viên được thực hành nhiều hơn trong quá trình học tập.
- Nâng cấp thư viện trường, thêm nhiều đầu sách hơn, giáo trình đa dạng, phong phú.
- Tăng cường tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.
- Chú trọng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho sinh viên.

** Về phía giảng viên*

- Tăng cường trau dồi kiến thức, học tập nâng cao trình độ hơn.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, bài giảng gắn liền với thực tiễn hơn.
- Trong quá trình giảng dạy nhiệt tình, tận tâm truyền tải kiến thức thực tế, bổ ích tới sinh viên nhằm tạo sự hứng khởi, niềm say mê giúp sinh viên đạt được kết quả cao trong học tập hơn nữa.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện lấy ý kiến Cán bộ Giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường, hoạt động giảng dạy trong năm học 2021-2022, cũng như phương hướng hành động trong năm học tới./.

Nơi nhận:
- BGH; CTHĐT
- Các đơn vị;
- Cổng thông tin Trường;
- Lưu: VT; KT&QLCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục I

KẾT QUẢ KHẢO SÁT CBGV TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÊN PHẦN MỀM NĂM HỌC 2021 -2022

(Kèm theo Báo cáo số 587/BC-ĐHTCQTKD ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

TT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)
A. HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ/HỖ TRỢ				
1	Cơ sở vật chất hỗ trợ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	4	2.01
		2. Không hài lòng	8	4.02
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	115	57.79
		5. Rất hài lòng	29	14.57
2	Các công cụ phục vụ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	3	1.51
		2. Không hài lòng	9	4.52
		3. Trung Bình	53	26.63
		4. Hài lòng	103	51.76
		5. Rất hài lòng	31	15.58
3	Tài liệu giảng dạy	1. Rất không hài lòng	3	1.51
		2. Không hài lòng	8	4.02
		3. Trung Bình	52	26.13
		4. Hài lòng	118	59.3
		5. Rất hài lòng	18	9.05
4	Về chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống	1. Rất không hài lòng	4	2.01
		2. Không hài lòng	13	6.53
		3. Trung Bình	59	29.65
		4. Hài lòng	103	51.76
		5. Rất hài lòng	20	10.05
5	Về công tác an ninh trật tự (an toàn, phù hợp)	1. Rất không hài lòng	3	1.51
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	37	18.59
		4. Hài lòng	136	68.34
		5. Rất hài lòng	23	11.56
6	Về việc tổ chức lớp học	1. Rất không hài lòng	3	1.51
		2. Không hài lòng	0	0

		3. Trung Bình	32	16.08
		4. Hài lòng	148	74.37
		5. Rất hài lòng	16	8.04
7	Công tác phục vụ, hỗ trợ của cán bộ viên chức	1. Rất không hài lòng	2	1.01
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	51	25.63
		4. Hài lòng	121	60.8
		5. Rất hài lòng	22	11.06
8	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai, phục vụ tốt và tiện lợi cho việc quản lý, phục vụ sinh viên	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	6	3.02
		3. Trung Bình	44	22.11
		4. Hài lòng	133	66.83
		5. Rất hài lòng	15	7.54
9	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được cập nhật, nâng cấp kịp thời các công cụ ứng dụng tin học hóa trong quản lý và phục vụ công việc của nhà trường.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	5	2.51
		3. Trung Bình	48	24.12
		4. Hài lòng	129	64.82
		5. Rất hài lòng	16	8.04
10	Ứng dụng CNTT trong công tác văn thư, lưu trữ	1. Rất không hài lòng	2	1.01
		2. Không hài lòng	5	2.51
		3. Trung Bình	54	27.14
		4. Hài lòng	118	59.3
		5. Rất hài lòng	20	10.05
11	Công tác trang trí, khánh tiết, văn hóa công sở (văn minh, phù hợp)	1. Rất không hài lòng	2	1.01
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	36	18.09
		4. Hài lòng	140	70.35
		5. Rất hài lòng	20	10.05
12	Phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động của nhà trường	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	77	38.69
		4. Hài lòng	101	50.75
		5. Rất hài lòng	17	8.54

B. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH				
1	Chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	2	1.01
		2. Không hài lòng	9	4.52
		3. Trung Bình	61	30.65
		4. Hài lòng	110	55.28
		5. Rất hài lòng	17	8.54
2	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	3	1.51
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	51	25.63
		4. Hài lòng	125	62.81
		5. Rất hài lòng	16	8.04
3	Kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	48	24.12
		4. Hài lòng	130	65.33
		5. Rất hài lòng	16	8.04
4	Chế độ, chính sách đãi ngộ sau đào tạo, bồi dưỡng CBGV	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	7	3.52
		3. Trung Bình	68	34.17
		4. Hài lòng	108	54.27
		5. Rất hài lòng	15	7.54
5	Hỗ trợ về thủ tục thanh toán các khoản thu nhập	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	52	26.13
		4. Hài lòng	124	62.31
		5. Rất hài lòng	18	9.05
6	Chế độ phúc lợi	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	19	9.55
		3. Trung Bình	84	42.21
		4. Hài lòng	81	40.7
		5. Rất hài lòng	14	7.04
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	50	25.13

	theo định kỳ	4. Hài lòng	125	62.81
		5. Rất hài lòng	22	11.06
C. CHIẾN LƯỢC CỦA NHÀ TRƯỜNG				
1	Chiến lược về xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhà trường	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	45	22.61
		4. Hài lòng	132	66.33
		5. Rất hài lòng	21	10.55
2	Chiến lược về xây dựng đội ngũ giảng viên	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	41	20.6
		4. Hài lòng	134	67.34
		5. Rất hài lòng	22	11.06
3	Chiến lược về phát triển khoa học và hợp tác quốc tế	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	49	24.62
		4. Hài lòng	128	64.32
		5. Rất hài lòng	18	9.05
4	Chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	47	23.62
		4. Hài lòng	126	63.32
		5. Rất hài lòng	22	11.06
5	Chiến lược về nâng cao chất lượng đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	2	1.01
		3. Trung Bình	35	17.59
		4. Hài lòng	143	71.86
		5. Rất hài lòng	18	9.05
6	Chiến lược về phát triển phục vụ cộng đồng	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	52	26.13
		4. Hài lòng	128	64.32
		5. Rất hài lòng	17	8.54
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh	1. Rất không hài lòng	1	0.5

	đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	134	67.34
		5. Rất hài lòng	20	10.05
8	Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã thể hiện sự quan tâm, gắn kết với các bên liên quan	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	133	66.83
		5. Rất hài lòng	19	9.55
9	Nhà trường đã ban hành chính sách đảm bảo cập nhật kịp thời, đúng quy định của Nhà nước về giáo dục - đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	33	16.58
		4. Hài lòng	141	70.85
		5. Rất hài lòng	23	11.56
10	Nội dung chính sách của Nhà trường đảm bảo mang tính khả thi, hiệu quả.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	44	22.11
		4. Hài lòng	131	65.83
		5. Rất hài lòng	22	11.06
11	Việc thực thi chính sách của Nhà trường đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	40	20.1
		4. Hài lòng	137	68.84
		5. Rất hài lòng	21	10.55
12	Nhà trường quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	49	24.62
		4. Hài lòng	127	63.82
		5. Rất hài lòng	22	11.06
13	Nhà trường xác định và phổ biến các tiêu chí, tiêu chuẩn đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự rõ ràng, đáp ứng nhu cầu công tác.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	37	18.59
		4. Hài lòng	137	68.84
		5. Rất hài lòng	23	11.56

14	Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường hoạt động hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	40	20.1
		4. Hài lòng	134	67.34
		5. Rất hài lòng	24	12.06
15	Nhà trường sử dụng kết quả công tác quản lý thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục để phục vụ cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày một tốt hơn.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	2	1.01
		3. Trung Bình	39	19.6
		4. Hài lòng	136	68.34
		5. Rất hài lòng	21	10.55
16	Nhà trường luôn có kênh thông tin thường xuyên tìm hiểu, liên lạc nắm bắt tình hình sinh viên tốt nghiệp có việc làm ổn định để biết được chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	38	19.1
		4. Hài lòng	136	68.34
		5. Rất hài lòng	23	11.56
D. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ				
I. Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học				
1	Các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	41	20.6
		4. Hài lòng	135	67.84
		5. Rất hài lòng	21	10.55
2	Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp Trường	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	30	15.08
		4. Hài lòng	147	73.87
		5. Rất hài lòng	20	10.05
3	Quy trình thực hiện biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	34	17.09
		4. Hài lòng	142	71.36
		5. Rất hài lòng	22	11.06
4	Về cách thức tổ chức các Hội thảo khoa học cấp	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5

	Trường	3. Trung Bình	29	14.57
		4. Hài lòng	148	74.37
		5. Rất hài lòng	20	10.05
5	Số lượng, chất lượng các bài báo cáo trong hội thảo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	39	19.6
		4. Hài lòng	137	68.84
		5. Rất hài lòng	22	11.06
6	Chất lượng các đề tài cấp Trường	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	39	19.6
		4. Hài lòng	139	69.85
		5. Rất hài lòng	19	9.55
7	Kiểm tra, giám sát thực hiện đề tài, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	40	20.1
		4. Hài lòng	137	68.84
		5. Rất hài lòng	20	10.05
8	Công tác đánh giá, nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu,…	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	32	16.08
		4. Hài lòng	146	73.37
		5. Rất hài lòng	19	9.55
II. Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ				
9	Công tác quản trị bảo hộ tài sản trí tuệ được quan tâm	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	2	1.01
		3. Trung Bình	60	30.15
		4. Hài lòng	119	59.8
		5. Rất hài lòng	17	8.54
10	Công tác phổ biến các văn bản của Nhà nước quy định về quyền sở hữu trí tuệ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	52	26.13
		4. Hài lòng	123	61.81
		5. Rất hài lòng	19	9.55

11	Sự giúp đỡ, hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	6	3.02
		3. Trung Bình	50	25.13
		4. Hài lòng	123	61.81
		5. Rất hài lòng	19	9.55
12	Số lượng loại hình tài sản trí tuệ ngày càng tăng	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	6	3.02
		3. Trung Bình	57	28.64
		4. Hài lòng	118	59.3
		5. Rất hài lòng	17	8.54
13	Công tác phát hành giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	54	27.14
		4. Hài lòng	125	62.81
		5. Rất hài lòng	18	9.05
14	Các sản phẩm NCKH được lưu trữ đầy đủ, khoa học	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	35	17.59
		4. Hài lòng	139	69.85
		5. Rất hài lòng	20	10.05
15	Công tác xuất bản Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	0	0
		3. Trung Bình	42	21.11
		4. Hài lòng	135	67.84
		5. Rất hài lòng	21	10.55
16	Thông tin kết quả nghiên cứu được cập nhật liên tục	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	3	1.51
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	132	66.33
		5. Rất hài lòng	20	10.05
III. Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học				
17	Có chiến lược khai thác nguồn kinh phí cho Khoa học – CN	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	8	4.02
		3. Trung Bình	43	21.61

		4. Hài lòng	131	65.83
		5. Rất hài lòng	16	8.04
18	Phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu (Đề tại, biên soạn, nghiên cứu khoa học sinh viên,...)	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	7	3.52
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	130	65.33
		5. Rất hài lòng	18	9.05
19	Công tác thanh toán kinh phí cho thực hiện nghiên cứu kịp thời, đúng quy định	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	2	1.01
		3. Trung Bình	32	16.08
		4. Hài lòng	143	71.86
		5. Rất hài lòng	21	10.55
20	Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	7	3.52
		3. Trung Bình	57	28.64
		4. Hài lòng	118	59.3
		5. Rất hài lòng	16	8.04
IV. Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp				
21	Nhà trường luôn quan tâm đề nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	7	3.52
		3. Trung Bình	57	28.64
		4. Hài lòng	116	58.29
		5. Rất hài lòng	18	9.05
22	Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	6	3.02
		3. Trung Bình	62	31.16
		4. Hài lòng	111	55.78
		5. Rất hài lòng	19	9.55
23	Số lượng, chất lượng nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp của CBGV ngày càng được cải thiện	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	5	2.51
		3. Trung Bình	58	29.15
		4. Hài lòng	115	57.79
		5. Rất hài lòng	20	10.05
24	Chất lượng đề tài nghiên	1. Rất không hài lòng	1	0.5

	cứu khoa học của sinh viên ngày càng sáng tạo, có tính khởi nghiệp thực tiễn hơn.	2. Không hài lòng	6	3.02
		3. Trung Bình	61	30.65
		4. Hài lòng	113	56.78
		5. Rất hài lòng	18	9.05
V. Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu				
25	Quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu ngày càng được mở rộng	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	48	24.12
		4. Hài lòng	125	62.81
		5. Rất hài lòng	21	10.55
26	Được cung cấp đầy đủ thông tin về các đầu tư/hỗ trợ của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ cho Trường	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	5	2.51
		3. Trung Bình	60	30.15
		4. Hài lòng	112	56.28
		5. Rất hài lòng	21	10.55
27	Hiệu quả nguồn lực từ các mối quan hệ hợp tác, các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	5	2.51
		3. Trung Bình	59	29.65
		4. Hài lòng	117	58.79
		5. Rất hài lòng	17	8.54
28	Mức độ tiếp cận trao đổi, thụ hưởng từ sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	7	3.52
		3. Trung Bình	63	31.66
		4. Hài lòng	108	54.27
		5. Rất hài lòng	20	10.05
E. TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG				
1	Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	30	15.08
		4. Hài lòng	137	68.84
		5. Rất hài lòng	30	15.08
2	Phối hợp với Ban Giám hiệu cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của đoàn viên, người lao động, tổ	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	4	2.01
		3. Trung Bình	41	20.6

	chức các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội trong đoàn viên, người lao động.	4. Hài lòng	127	63.82
		5. Rất hài lòng	26	13.07
3	Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	43	21.61
		4. Hài lòng	129	64.82
		5. Rất hài lòng	25	12.56
4	Tổ chức vận động đoàn viên, người lao động trong trường thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước.	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	30	15.08
		4. Hài lòng	139	69.85
		5. Rất hài lòng	28	14.07
5	Kêu gọi cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ thiện nhân đạo như ủng hộ Quỹ Khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ Quỹ vì người nghèo,…	1. Rất không hài lòng	1	0.5
		2. Không hài lòng	1	0.5
		3. Trung Bình	29	14.57
		4. Hài lòng	145	72.86
		5. Rất hài lòng	23	11.56
Ý kiến khác:				
Để trường thực hiện được thành công các chiến lược, kế hoạch đặt ra rất cần sự góp sức của các cán bộ, giản viên trong trường, do đó sức khỏe của cán bộ/giảng viên cần được trường quan tâm hơn nữa thông qua việc định kỳ (1 năm) tổ chức khám sức khỏe tổng thể cho cán bộ, giảng viên. Ngoài ra, hệ thống mic, loa của trường rất kém, máy chiếu tùy phòng ồn phòng không, đề nghị trường đầu tư mới hệ thống loa mic, máy chiếu. Cuối cùng, hệ thống văn bản của Trường chưa công khai toàn bộ đến các các cán bộ, giảng viên dẫn đến nhiều thông tin chưa được cập nhật, đề nghị văn thư nên gửi các thông tin vào email chung của phòng/khoa như trước.				
Tổng số Cán bộ, Giảng viên tham gia khảo sát:			**199**	

Phụ lục II

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN K6- ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG TỐT NGHIỆP NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 5881/BC-ĐHTCQTKD ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ %
I. Công tác tuyển sinh				
1	Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú đa dạng và có hiệu quả	kém	1	0.00
		Trung bình	6	1.06
		Khá	23	8.13
		Tốt	114	47.35
		Rất tốt	122	43.11
2	Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin.	kém	0	0.00
		Trung bình	5	1.77
		Khá	26	9.19
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	115	40.64
	Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	kém	0	0.00
		Trung bình	2	0.71
		Khá	26	9.19
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	116	40.99
4	Mức thu dịch vụ tuyển sinh phù hợp	kém	1	0.35
		Trung bình	4	1.41
		Khá	23	8.13
		Tốt	132	46.64
		Rất tốt	123	43.46
II. Đội ngũ giảng viên				
1	Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	24	8.48
		Tốt	135	47.70
		Rất tốt	121	42.76
2	Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	kém	2	0.71
		Trung bình	1	0.35
		Khá	29	10.25
		Tốt	135	47.70

		Rất tốt	116	40.99
3	Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy.	kém	2	0.71
		Trung bình	2	0.71
		Khá	22	7.77
		Tốt	133	47.00
		Rất tốt	124	43.82
4	Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	23	8.13
		Tốt	132	46.64
		Rất tốt	125	44.17
5	Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	kém	0	0.00
		Trung bình	3	1.06
		Khá	20	7.07
		Tốt	135	47.70
		Rất tốt	125	44.17
III. Chương trình đào tạo				
1	Ngành học đã theo học có mục tiêu rõ ràng, CĐR phù hợp với nhu cầu xã hội	kém	2	0.71
		Trung bình	4	1.41
		Khá	25	8.83
		Tốt	146	51.59
		Rất tốt	106	37.46
2	CTĐT được xây dựng với các môn học có tính hỗ trợ lẫn nhau.	kém	2	0.71
		Trung bình	5	1.77
		Khá	24	8.48
		Tốt	142	50.18
		Rất tốt	110	38.87
3	CTĐT có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống và mang tính cập nhật	kém	2	0.71
		Trung bình	1	0.35
		Khá	30	10.60
		Tốt	147	51.94
		Rất tốt	103	36.40
4	Phương pháp giảng dạy của GV phù hợp với CĐR của CTĐT	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	30	10.60
		Tốt	144	50.88

		Rất tốt	106	37.46
5	Khóa học đã giúp ích cho sự tự tin về khả năng đáp ứng yêu cầu về nghề nghiệp	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	26	9.19
		Tốt	143	50.53
		Rất tốt	111	39.22
6	Quá trình dạy và học, chương trình dạy học, đánh giá kết quả học tập người học rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo phù hợp với CĐR	kém	2	0.71
		Trung bình	1	0.35
		Khá	31	10.95
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	110	38.87
IV. Công tác kiểm tra đánh giá				
1	Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng qui định.	kém	2	0.71
		Trung bình	2	0.71
		Khá	21	7.42
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	119	42.05
2	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	kém	1	0.35
		Trung bình	1	0.35
		Khá	24	8.48
		Tốt	136	48.06
		Rất tốt	121	42.76
3	Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	21	7.42
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	122	43.11
4	Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	kém	4	1.41
		Trung bình	2	0.71
		Khá	22	7.77
		Tốt	133	47.00
		Rất tốt	122	43.11
5	Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định	kém	3	1.06
		Trung bình	2	0.71
		Khá	21	7.42
		Tốt	133	47.00

		Rất tốt	124	43.82
6	Các khiếu nại về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý	kém	3	1.06
		Trung bình	3	1.06
		Khá	23	8.13
		Tốt	138	48.76
		Rất tốt	116	40.99
V. Hoạt động hỗ trợ người học, Công tác Đoàn TN, Hội Sinh viên và các hoạt động phong trào				
1	Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho SV	kém	3	1.06
		Trung bình	1	0.35
		Khá	20	7.07
		Tốt	146	51.59
		Rất tốt	113	39.93
2	Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia.	kém	1	0.35
		Trung bình	5	1.77
		Khá	23	8.13
		Tốt	138	48.76
		Rất tốt	116	40.99
3	Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	kém	1	0.35
		Trung bình	4	1.41
		Khá	22	7.77
		Tốt	143	50.53
		Rất tốt	113	39.93
4	Sinh viên được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường.	kém	0	0.00
		Trung bình	3	1.06
		Khá	19	6.71
		Tốt	144	50.88
		Rất tốt	114	40.28
5	Sinh viên được đối thoại với Lãnh đạo Nhà trường/ Khoa và được giải quyết thỏa đáng.	kém	0	0.00
		Trung bình	4	1.41
		Khá	23	8.13
		Tốt	144	50.88
		Rất tốt	112	39.58
6	Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên.	kém	0	0.00
		Trung bình	1	0.35
		Khá	24	8.48
		Tốt	141	49.82

		Rất tốt	117	41.34
7	Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV.	kém	0	0.00
		Trung bình	2	0.71
		Khá	24	8.48
		Tốt	145	51.24
		Rất tốt	112	39.58
8	Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV	kém	2	0.71
		Trung bình	2	0.71
		Khá	26	9.19
		Tốt	140	49.47
		Rất tốt	113	39.93
9	Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	kém	2	0.71
		Trung bình	1	0.35
		Khá	24	8.48
		Tốt	140	49.47
		Rất tốt	116	40.99
VI. Công tác CVHT				
1	CVHT có nhiệt tình, quan tâm tới lớp, thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp.	kém	2	0.71
		Trung bình	2	0.71
		Khá	20	7.07
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	120	42.40
2	CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường đến lớp	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	27	9.54
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	116	40.99
3	CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	kém	0	0.00
		Trung bình	2	0.71
		Khá	24	8.48
		Tốt	138	48.76
		Rất tốt	119	42.05
4	CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường.	kém	0	0.00
		Trung bình	1	0.35
		Khá	26	9.19
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	117	41.34

VII. Hoạt động NCKH				
1	Nghiên cứu khoa học sinh viên là rất quan trọng và cần thiết.	kém	1	0.35
		Trung bình	1	0.35
		Khá	28	9.89
		Tốt	144	50.88
		Rất tốt	109	38.52
2	Thông tin nghiên cứu khoa học SV được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới sinh viên toàn Trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường)	kém	1	0.35
		Trung bình	1	0.35
		Khá	27	9.54
		Tốt	141	49.82
		Rất tốt	113	39.93
3	Nhà trường, các thầy/cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận làm nghiên cứu	kém	1	0.35
		Trung bình	0	0.00
		Khá	25	8.83
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	120	42.40
4	Hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu.	kém	1	0.35
		Trung bình	0	0.00
		Khá	27	9.54
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	118	41.70
5	Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.	kém	1	0.35
		Trung bình	1	0.35
		Khá	24	8.48
		Tốt	142	50.18
		Rất tốt	115	40.64
6	Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu	kém	0	0.00
		Trung bình	1	0.35
		Khá	25	8.83
		Tốt	141	49.82
		Rất tốt	116	40.99
7	Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy (Tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	23	8.13
		Tốt	139	49.12
		Rất tốt	118	41.70

VIII. Giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách				
1	Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	kém	2	0.71
		Trung bình	3	1.06
		Khá	23	8.13
		Tốt	147	51.94
		Rất tốt	108	38.16
2	Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	kém	1	0.35
		Trung bình	7	2.47
		Khá	21	7.42
		Tốt	140	49.47
		Rất tốt	114	40.28
3	Trang thiết bị trong phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.	kém	4	1.41
		Trung bình	1	0.35
		Khá	21	7.42
		Tốt	145	51.24
		Rất tốt	112	39.58
4	Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành và hệ thống mạng.	kém	2	0.71
		Trung bình	2	0.71
		Khá	23	8.13
		Tốt	142	50.18
		Rất tốt	114	40.28
5	Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập,	kém	2	0.71
		Trung bình	3	1.06
		Khá	23	8.13
		Tốt	144	50.88
		Rất tốt	111	39.22
6	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Sinh viên.	kém	1	0.35
		Trung bình	2	0.71
		Khá	23	8.13
		Tốt	141	49.82
		Rất tốt	116	40.99
7	Thời gia mượn và trả sách, tài liệu phù hợp	kém	1	0.35
		Trung bình	0	0.00
		Khá	25	8.83
		Tốt	144	50.88
		Rất tốt	112	39.58

8	Chất lượng phục vụ của đội ngũ CB, nhân viên Thư viện	kém	1	0.35
		Trung bình	3	1.06
		Khá	24	8.48
		Tốt	135	47.70
		Rất tốt	119	42.05
9	Hệ thống công nghệ thông tin phần mềm QLĐT, mạng internet đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, hỗ trợ công tác đào tạo)	kém	3	1.06
		Trung bình	5	1.77
		Khá	21	7.42
		Tốt	137	48.41
		Rất tốt	117	41.34
10	Website của Nhà trường truy cập nhanh, thiết kế đẹp, nội dung phong phú, thông tin cập nhật đầy đủ, thường xuyên	kém	5	1.77
		Trung bình	8	2.83
		Khá	30	10.60
		Tốt	123	43.46
		Rất tốt	117	41.34
11	Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao	kém	2	0.71
		Trung bình	10	3.53
		Khá	22	7.77
		Tốt	131	46.29
		Rất tốt	118	41.70
12	Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho Sinh viên trong toàn trường	kém	0	0.00
		Trung bình	6	2.12
		Khá	30	10.60
		Tốt	126	44.52
		Rất tốt	120	42.40
13	Các phương thức thu học phí (qua ngân hàng, tại quỹ)	kém	2	0.71
		Trung bình	5	1.77
		Khá	24	8.48
		Tốt	138	48.76
		Rất tốt	114	40.28
14	Phương thức, thời gian thanh toán học bổng và các chế độ chính sách khác	kém	2	0.71
		Trung bình	5	1.77
		Khá	28	9.89
		Tốt	134	47.35
		Rất tốt	114	40.28
15	Công khai mức thu, các quy định, chính	kém	1	0.35

	sách có liên quan đến tài chính đối với sinh viên	Trung bình	4	1.41
		Khá	26	9.19
		Tốt	130	45.94
		Rất tốt	122	43.11
IX. Đánh giá chung				
1	Mức hài lòng với toàn bộ khóa học	kém	0	0.00
		Trung bình	3	1.06
		Khá	24	8.48
		Tốt	136	48.06
		Rất tốt	120	42.40
2	Trường là nơi tin cậy và sẽ giới thiệu cho người khác đến học tập	kém	0	0.00
		Trung bình	3	1.06
		Khá	26	9.19
		Tốt	125	44.17
		Rất tốt	129	45.58
Tổng số sinh viên thực hiện khảo sát			283	100

Phụ lục III

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 587/BC-ĐHTCQTKD ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

TT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)
I. Chương trình đào tạo (CTĐT)				
1	CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Được thông báo đầy đủ cho sinh viên.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	56	3.45
		3. Khá	367	22.58
		4. Tốt	916	56.37
		5. Rất tốt	272	16.74
2	CTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV sau này.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	43	2.65
		3. Khá	400	24.62
		4. Tốt	898	55.26
		5. Rất tốt	270	16.62
3	CTĐT được cập nhật thường xuyên	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	51	3.14
		3. Khá	393	24.18
		4. Tốt	904	55.63
		5. Rất tốt	265	16.31
4	Các môn học trong CTĐT được sắp xếp khoa học, hợp lý và công bố công khai trong toàn trường.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	54	3.32
		3. Khá	383	23.57
		4. Tốt	899	55.32
		5. Rất tốt	277	17.05
5	Môi trường học tập, CTĐT của Nhà trường đáp ứng được mong đợi của sinh viên, giúp sinh viên tự tin tìm việc sau khi ra trường.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	50	3.08
		3. Khá	407	25.05
		4. Tốt	884	54.4
		5. Rất tốt	270	16.62
II. Công tác cố vấn học tập (CVHT)				
1	CVHT có nhiệt tình, quan tâm tới lớp,	1. Kém	14	0.86

	thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp	2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	355	21.85
		4. Tốt	850	52.31
		5. Rất tốt	354	21.78
2	CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường đến lớp	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	47	2.89
		3. Khá	358	22.03
		4. Tốt	860	52.92
		5. Rất tốt	346	21.29
3	CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	55	3.38
		3. Khá	369	22.71
		4. Tốt	860	52.92
		5. Rất tốt	328	20.18
4	CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	47	2.89
		3. Khá	343	21.11
		4. Tốt	877	53.97
		5. Rất tốt	346	21.29
III. Công tác đào tạo trực tuyến				
1	Đề cương chi tiết học phần, giáo trình/bài giảng và các học liệu của học phần được cung cấp đầy đủ	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	89	5.48
		3. Khá	384	23.63
		4. Tốt	890	54.77
		5. Rất tốt	244	15.02
2	Nội dung bài giảng được cập nhật và có liên hệ thực tiễn, tạo sự hứng thú cho người học	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	90	5.54
		3. Khá	437	26.89
		4. Tốt	850	52.31
		5. Rất tốt	230	14.15
3	Phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp giúp người học dễ dàng tiếp thu	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	73	4.49
		3. Khá	446	27.45
		4. Tốt	855	52.62

		5. Rất tốt	235	14.46
4	Kế hoạch dạy-học được thực hiện đúng thời gian và thời khóa biểu	1. Kém	19	1.17
		2. Trung bình	51	3.14
		3. Khá	334	20.55
		4. Tốt	940	57.85
		5. Rất tốt	281	17.29
5	Người học luôn được hỗ trợ, giải đáp các thắc mắc trực tiếp trong giờ học và ngoài giờ học thông qua diễn đàn, mạng xã hội, email, … và được kiểm tra, đánh giá mức độ hiểu bài hàng tuần.	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	67	4.12
		3. Khá	389	23.94
		4. Tốt	896	55.14
		5. Rất tốt	256	15.75
6	Giảng viên sử dụng ứng dụng ZOOM đáp ứng yêu cầu giảng dạy và trao đổi trực tuyến	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	53	3.26
		3. Khá	345	21.23
		4. Tốt	914	56.25
		5. Rất tốt	299	18.4
7	Người học được phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm,…	1. Kém	19	1.17
		2. Trung bình	77	4.74
		3. Khá	428	26.34
		4. Tốt	871	53.6
		5. Rất tốt	230	14.15
8	Hệ thống thi trực tuyến đáp ứng được yêu cầu thi cử của người học	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	62	3.82
		3. Khá	323	19.88
		4. Tốt	896	55.14
		5. Rất tốt	331	20.37
9	Các hình thức thi được thiết kế và tổ chức phù hợp với hoạt động thi trực tuyến	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	337	20.74
		4. Tốt	905	55.69
		5. Rất tốt	315	19.38
10	Việc thi và nộp bài trực tuyến được tổ chức khoa học, thuận lợi cho sinh viên	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	55	3.38
		3. Khá	334	20.55

		4. Tốt	896	55.14
		5. Rất tốt	324	19.94
11	Nhà trường hỗ trợ giải quyết kịp thời những khó khăn trong thi trực tuyến	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	60	3.69
		3. Khá	381	23.45
		4. Tốt	880	54.15
		5. Rất tốt	289	17.78
IV.Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào				
1	Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia.	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	60	3.69
		3. Khá	401	24.68
		4. Tốt	869	53.48
		5. Rất tốt	279	17.17
2	Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	55	3.38
		3. Khá	399	24.55
		4. Tốt	874	53.78
		5. Rất tốt	280	17.23
3	Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	53	3.26
		3. Khá	409	25.17
		4. Tốt	865	53.23
		5. Rất tốt	280	17.23
4	Sinh viên được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường.	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	46	2.83
		3. Khá	401	24.68
		4. Tốt	894	55.02
		5. Rất tốt	268	16.49
5	Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên.	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	43	2.65
		3. Khá	421	25.91
		4. Tốt	866	53.29
		5. Rất tốt	278	17.11

6	Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV	1. Kém	19	1.17
		2. Trung bình	59	3.63
		3. Khá	407	25.05
		4. Tốt	869	53.48
		5. Rất tốt	271	16.68
7	Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	49	3.02
		3. Khá	420	25.85
		4. Tốt	861	52.98
		5. Rất tốt	281	17.29
8	Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	48	2.95
		3. Khá	416	25.6
		4. Tốt	867	53.35
		5. Rất tốt	280	17.23
V.Công tác kiểm tra đánh giá				
1	Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng qui định.	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	47	2.89
		3. Khá	362	22.28
		4. Tốt	935	57.54
		5. Rất tốt	266	16.37
2	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	37	2.28
		3. Khá	328	20.18
		4. Tốt	934	57.48
		5. Rất tốt	313	19.26
3	Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	50	3.08
		3. Khá	399	24.55
		4. Tốt	887	54.58
		5. Rất tốt	277	17.05
4	Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	48	2.95
		3. Khá	367	22.58

		4. Tốt	905	55.69
		5. Rất tốt	290	17.85
5	Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định	1. Kém	10	0.62
		2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	385	23.69
		4. Tốt	911	56.06
		5. Rất tốt	267	16.43
6	Các khiếu nại về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	54	3.32
		3. Khá	381	23.45
		4. Tốt	904	55.63
		5. Rất tốt	273	16.8
VI. Công tác tuyển sinh				
1	Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú, đa dạng và có hiệu quả	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	75	4.62
		3. Khá	405	24.92
		4. Tốt	883	54.34
		5. Rất tốt	246	15.14
2	Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	70	4.31
		3. Khá	369	22.71
		4. Tốt	916	56.37
		5. Rất tốt	258	15.88
3	Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	60	3.69
		3. Khá	372	22.89
		4. Tốt	906	55.75
		5. Rất tốt	273	16.8
4	Mức lệ phí phù hợp	1. Kém	19	1.17
		2. Trung bình	69	4.25
		3. Khá	390	24
		4. Tốt	878	54.03
		5. Rất tốt	269	16.55
VII. Đội ngũ Giảng viên				

1	Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	366	22.52
		4. Tốt	902	55.51
		5. Rất tốt	293	18.03
2	Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	50	3.08
		3. Khá	375	23.08
		4. Tốt	900	55.38
		5. Rất tốt	286	17.6
3	Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy.	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	44	2.71
		3. Khá	351	21.6
		4. Tốt	910	56
		5. Rất tốt	305	18.77
4	Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên	1. Kém	16	0.98
		2. Trung bình	43	2.65
		3. Khá	344	21.17
		4. Tốt	897	55.2
		5. Rất tốt	325	20
5	Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	44	2.71
		3. Khá	363	22.34
		4. Tốt	895	55.08
		5. Rất tốt	310	19.08
VIII. Giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách				
1	Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho sinh viên	1. Kém	22	1.35
		2. Trung bình	73	4.49
		3. Khá	432	26.58
		4. Tốt	850	52.31
		5. Rất tốt	248	15.26
2	Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	58	3.57
		3. Khá	387	23.82

		4. Tốt	888	54.65
		5. Rất tốt	278	17.11
3	Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	61	3.75
		3. Khá	384	23.63
		4. Tốt	885	54.46
		5. Rất tốt	283	17.42
4	Trang thiết bị trong phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.	1. Kém	23	1.42
		2. Trung bình	60	3.69
		3. Khá	413	25.42
		4. Tốt	869	53.48
		5. Rất tốt	260	16
5	Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành và hệ thống mạng.	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	83	5.11
		3. Khá	447	27.51
		4. Tốt	845	52
		5. Rất tốt	233	14.34
6	Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập.	1. Kém	14	0.86
		2. Trung bình	69	4.25
		3. Khá	413	25.42
		4. Tốt	889	54.71
		5. Rất tốt	240	14.77
7	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Sinh viên.	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	65	4
		3. Khá	417	25.66
		4. Tốt	878	54.03
		5. Rất tốt	247	15.2
8	Thời gia mượn và trả sách, tài liệu phù hợp	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	63	3.88
		3. Khá	410	25.23
		4. Tốt	897	55.2
		5. Rất tốt	237	14.58
9	Phòng máy tính và trang thiết bị.	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	75	4.62

		3. Khá	446	27.45
		4. Tốt	853	52.49
		5. Rất tốt	238	14.65
10	Thông tin được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên website Nhà trường. Truy cập thông tin dễ dàng.	1. Kém	23	1.42
		2. Trung bình	59	3.63
		3. Khá	408	25.11
		4. Tốt	868	53.42
		5. Rất tốt	267	16.43
11	Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao	1. Kém	25	1.54
		2. Trung bình	66	4.06
		3. Khá	441	27.14
		4. Tốt	860	52.92
		5. Rất tốt	233	14.34
12	Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong toàn trường.	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	67	4.12
		3. Khá	418	25.72
		4. Tốt	869	53.48
		5. Rất tốt	254	15.63
13	Quy trình, thủ tục thu học phí	1. Kém	17	1.05
		2. Trung bình	72	4.43
		3. Khá	408	25.11
		4. Tốt	884	54.4
		5. Rất tốt	244	15.02
14	Quy trình, thủ tục thanh toán học bổng và các chế độ chính sách khác	1. Kém	18	1.11
		2. Trung bình	72	4.43
		3. Khá	446	27.45
		4. Tốt	857	52.74
		5. Rất tốt	232	14.28
IX. Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên				
1	Nghiên cứu khoa học sinh viên là rất quan trọng và cần thiết.	1. Kém	10	0.62
		2. Trung bình	57	3.51
		3. Khá	406	24.98
		4. Tốt	878	54.03
		5. Rất tốt	274	16.86

2	Thông tin nghiên cứu khoa học SV được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới sinh viên toàn Trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường)	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	55	3.38
		3. Khá	395	24.31
		4. Tốt	888	54.65
		5. Rất tốt	272	16.74
3	Nhà trường, các thầy/cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận làm nghiên cứu	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	57	3.51
		3. Khá	386	23.75
		4. Tốt	892	54.89
		5. Rất tốt	277	17.05
4	Hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu.	1. Kém	13	0.8
		2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	388	23.88
		4. Tốt	891	54.83
		5. Rất tốt	281	17.29
5	Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	52	3.2
		3. Khá	408	25.11
		4. Tốt	882	54.28
		5. Rất tốt	271	16.68
6	Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu	1. Kém	12	0.74
		2. Trung bình	61	3.75
		3. Khá	413	25.42
		4. Tốt	878	54.03
		5. Rất tốt	261	16.06
7	Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy (Tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	1. Kém	15	0.92
		2. Trung bình	57	3.51
		3. Khá	405	24.92
		4. Tốt	864	53.17
		5. Rất tốt	284	17.48
X. CÁC Ý KIẾN KHÁC				
1	Cảm nhận chung của bạn về việc học trực tuyến qua phần mềm ZOOM trong thời gian ứng phó với dịch Covid-19:	1. Rất hài lòng	307	18.89
		2. Hài lòng	683	42.03
		3. Tạm hài lòng	357	21.97

		4. Không hài lòng	145	8.92
		5. Rất không hài lòng	133	8.18
2	Hình thức học bạn mong muốn trong thời gian tới:	1. Học trực tuyến	507	31.2
		2. Học trên lớp	470	28.92
		3. Học kết hợp giữa trên lớp và trực tuyến	648	39.88
3	Những khó khăn bạn gặp phải khi tham gia học trực tuyến trong thời gian qua (đường truyền internet, máy tính, môi trường học tập, ...):	Chưa thấy hài lòng lắm lịch trường xếp e rất khó để xem; Đường truyền hay bị lỗi và hay bị mất điện; Đường truyền internet nhiều lúc không ổn định; Mạng lag;		
4	Những điều bạn hài lòng nhất về học và thi trực tuyến:	Không phải ra khỏi nhà và tiếp xúc nhiều người; quá tuyệt vời ; thầy cô nhiệt tình, giảng dạy đầy đủ; Mọi việc đều tốt; thời gian linh hoạt; Sinh viên không thể nắm bắt toàn bộ kiến thức được học; Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.		
5	Những điều bạn chưa hài lòng về học và thi trực tuyến:	Thi tự luận nên các thầy cô cho ít câu. Nhưng mỗi câu mà thầy cô cho thì tầm khoảng 3 trang là ít và em rất ko hài lòng về việc đó.		
Tổng số sinh viên thực hiện khảo sát:			**1,625**	